**LỊCH BÁO GIẢNG – TUẦN 4**

**Từ ngày: 25/09/2022 đến 29/09/2022**

**Giáo viên: HỒ THỊ KIM LOAN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ** | **Buổi** | **Môn** | **Tiết** | **Tên bài dạy** |
| **HAI** | SÁNG | Chào cờ | 1 | Chào cờ |
| Toán | 2 | Lớn hơn, dấu >. Bé hơn, dấu <. Bằng nhau… |
| Tiếng việt | 3 | Bài 16: gh |
| Tiếng việt | 4 |  |
| CHIỀU | Âm nhạc | 1 |  |
| Mĩ thuật | 2 |  |
| TN và XH | 3 | An toàn khi ở nhà( tiết 1) |
| **BA** | SÁNG | Tiếng việt | 1 | Bài 17: gi, k |
| Tiếng việt | 2 |  |
| Tập viết | 3 | Tập viết (sau bài 16, 17) |
| Đạo đức | 4 | Gọn gàng ngăn nắp( tiết 2) |
| **TƯ** | SÁNG | Tiếng việt | 1 | Bài 18: kh, m |
| Tiếng việt | 2 |  |
| Toán | 3 | Lớn hơn, dấu >. Bé hơn, dấu <. Bằng nhau… |
| TN và XH | 4 | An toàn khi ở nhà( tiết 2) |
| **NĂM** | SÁNG | Toán | 1 | Luyện tập |
| Tiếng việt | 2 | Bài 19: n, nh |
| Tiếng việt | 3 |  |
| Kể chuyện | 4 | Bài 20: kể chuyện Đôi bạn |
| HĐTN | 5 | An toàn khi vui chơi |
| **SÁU** | SÁNG | Tập viết | 1 | Tập viết (sau bài 18, 19) |
| Tiếng việt | 2 | Bài 21: Ôn tập |
| Thể dục | 3 |  |
| Thể dục | 4 |  |
| HĐTT | 5 |  |

**Thứ Hai ngày 25 tháng 9 năm 2023**

**Toán: LỚN HƠN, DẤU >. BÉ HƠN, DẤU <. BẰNG NHAU, DẤU =**

**( Tiết 1)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết so sánh số lượng; biết sử dụng các từ *(lớn hơn, bé hơn, bằng nhau)* và  
các dấu (>, <, =) để so sánh các số.

- Thực hành sử dụng các dấu (>, <, =) để so sánh các số trong phạm vi 5.

- Phát triển các NL toán học: NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.

**\* Dạy HS khuyết tật: - Biết so sánh số lượng; biết sử dụng các từ *(lớn hơn, bé hơn, bằng nhau)***

**II. Đồ dùng dạy học**

- Các thẻ số và các thẻ dấu.

**III.Các hoạt động dạy học**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **T.G** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động khởi động.**  - HS xem tranh, chia sẻ theo cặp đôi những gì các em quan sát được từ bức tranh. Chẳng hạn: Bức tranh vẽ 3 bạn nhỏ đang chơi với các quả bóng, bạn thứ nhất tay phải cầm 4 quả bóng xanh, tay trái cầm 1 quả bóng đỏ, ...  **2. Hoạt động cơ bản**  \* Hoạt động 1: Nhận biết quan hệ lớn hơn, dấu >  - GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các thao tác sau:  - Quan sát hình vẽ thứ nhất và nhận xét:  + Bên trái có mấy quả bóng?  + Bên phải có mấy quả bóng?  + Số bóng bên trái như thế nào so với số bóng bên phải?  - GV giới thiệu: “4 quả bóng nhiều hơn 1 quả bỏng”, ta nói: “4 *lớn hơn* 1”, viết 4 > 1. Dấu > đọc là “lớn hơn”.  - Gv cho Hs lấy thẻ gài 4 > 1 và yêu cầu HS đọc “4 *lớn hơn* 1”  - Thực hiện tương tự, GV gắn bên trái có 5 quả bóng, bên phải có 3 quả bóng.  \* Hoạt động 2: Nhận biết quan hệ bé hơn, dấu <  - GV hướng dẫn HS quan sát hình vẽ thứ hai và nhận xét:  + Bên trái có mấy quả bóng?  + Bên phải có mấy quả bóng?  + Số bóng bên trái như thế nào so với số bóng bên phải?  - GV giới thiệu: 2 quả bóng *ít hơn 5* quả bóng”, ta nói: “2 *bé hơn* 5”, viết 2 < 5. Dấu < đọc là “bé hơn”.  - Gv cho Hs lấy thẻ gài 2 < 5 và yêu cầu HS đọc “2 *bé hơn* 5”.  \* Hoạt động 3: Nhận biết quan hệ bằng nhau, dấu =  - GV hướng dần HS quan sát hình vẽ thứ ba và nhận xét:  + Bên trái có mấy quả bóng?  + Bên phải có mấy quả bóng?  + Số bóng bên trái như thế nào so với số bóng bên phải?  - Ta nói: “3 *bằng* 3”, viết 3 = 3. Dấu “=” đọc là “bằng”.  - Gv cho Hs lấy thẻ gài 3 = 3 và yêu cầu HS đọc “3 bằng 3”.  3. Hoạt động thực hành, luyện tập  Bài 1  - Gv hướng dẫn mẫu: Cho HS quan sát hình vẽ thứ nhất, so sánh số lượng khối lập phương bên trái với số lượng khối lập phương bên phải bằng cách lập tương ứng một khối lập phương bên trái với một khối lập phương bên phải. Nhận xét: “3 khối lập phương nhiều hơn 1 khối lập phương”. Ta có: “3 lớn hơn 1 viết 3 > 1.  - Yêu cầu HS thực hành so sánh số lượng khối lập phương ở các hình vẽ tiếp theo và viết kết quả vào vở theo thứ tự  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì?  - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý? Kí hiệu toán học nào em cần nắm chắc? - Để không nhầm lẫn khi sử dụng các kí hiệu đó em nhắn bạn điều gì? | - HS nhận xét về số quả bóng ở tay phải và số quả bóng ở tay trái của mỗi bạn.  + Bên trái có 4 quả bóng.  + Bên phải có 1 quả bóng.  + Số bóng bên trái *nhiều hơn* số bóng bên phải.  - HS theo dõi, lắng nghe  - HS lấy thẻ trong bộ đồ dùng, gài vào thanh gài 4 > 1, đọc “4 *lớn hơn* 1”  - HS nhận xét: “5 quả bóng nhiều hơn 3 quả bóng”, ta nói: “5 *lớn hơn 3”,* viết 5 > 3.  + Bên trái có 2 quả bóng.  + Bên phải có 5 quả bóng  + Số bóng bên trái *ít hơn* số bóng bên phải.  - HS theo dõi, lắng nghe  - HS lấy thẻ cài trong bộ đồ dùng, gài vào bảng gài 2 < 5, đọc “2 *bé hơn* 5”.  + Bên trái có 3 quả bóng.  + Bên phải có 3 quả bóng.  + Số bóng bên trái và số bóng bên phải *bằng nhau”.*  - HS lấy thẻ gài trong bộ đồ dùng, gài vào bảng gài 3 = 3, đọc “3 *bằng 3”.*  - HS quan sát  - HS thực hành  2 < 5; 4 = 4; 4 > 3.  - Đổi vở cùng kiểm tra và chia sẻ với bạn cách làm. | **\* Dạy HS khuyết tật: - Biết so sánh số lượng; biết sử dụng các từ *(lớn hơn, bé hơn, bằng nhau)*** |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy**: Không có điều chỉnh...................................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thứ Hai ngày 25 tháng 9 năm 2023**

Tiếng việt: gh (2 tiết)

**I. Yêu cầu cần đạt**

- Nhận biết âm và chữ gh; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có gh.

- Nhìn chữ, tìm đúng tiếng có g, gh.

- Nắm được quy tắc chính tả: **gh + e, ê, i / g + a, o, ô, ơ,...**

- Đọc đúng bài Tập đọc *Ghế.*

- Viết đúng các chữ *gh,* tiếng *ghế gỗ;* chữ số: *6, 7* (trên bảng con).

**\* Dạy HS khuyết tật:** **- Nhận biết âm và chữ gh; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có gh**

**- HS viết gh, ghế gỗ; 6, 7**

**II. Đồ dùng dạy học**

- SGK, Bộ chữ tiếng việt, VBT.

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **T.G** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **Tiết 1**  **1. Hoạt động khởi động**  **\* Ôn luyện**  - GV kiểm tra 2 HS đọc bài Tập đọc *Bể cá* (bài 15).  - GV nhận xét  **2. Hoạt động cơ bản**  **\* Hoạt động 1: Giới thiệu bài:**  **-** GV viết lên bảng chữ **gh,** giới thiệu bài học về âm gờ và chữ **gh** (tạm gọi là *gờ kép* để phân biệt với chữ **g** là *gờ đơn).*  - GV chỉ chữ **gh,** phát âm: **gờ**  - GV lưu ý: Ở đây, âm **gờ** được ghi bằng chữ **gờ kép.**  **\* Hoạt động 2: Chia sẻ và khám phá (**BT1: Làm quen)  - GV chỉ hình ghế gỗ, hỏi: Đây là cái gì? (Ghế gỗ).  **- GV:** Trong từ **ghế gỗ,** tiếng nào có chữ gờ kép (Tiếng **ghế).**  - GV chỉ: **ghế.**  - Hướng dẫn HS phân tích:  + Tiếng ghế có âm nào đứng trước, âm nào đứng sau, dấu sắc đặt trên âm nào? Âm gờ viết bằng chữ gờ nào?  - Cho HS (cá nhân, tổ, cả lớp) nhìn mô hình, đánh vần và đọc tiếng: **gờ - ê - ghê - sắc - ghế / ghế; // gờ - ô - gô - ngã - gỗ / gỗ.**  - ChoHS gắn lên bảng cài chữ **gh** mới học.  **3. Hoạt động luyện tập**  **\* Hoạt động 1: Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có chữ **g?** Tiếng nào có chữ **gh?)**  - GV chỉ từng chữ dưới hình.  - GV giải nghĩa từ: *gà gô* (loại chim rừng, cùng họ gà nhưng nhỏ hơn, đuôi ngắn, sống ở đồi cỏ gần rừng); *ghẹ* (gần giống cua biển, mai màu sáng, có vân hoa, càng dài).  - Cho HS làm VBT  - GV chỉ từng chữ, cả lớp nói: Tiếng **gà** có **“g** đơn”... Tiếng **ghi** có **“gh** kép”...  **\* Hoạt động 2: Quy tắc chính tả** (BT 3: Ghi nhớ)  **- GV** giới thiệu quy tắc chính tả *g / gh,* giải thích: Cả 2 chữ **g** (gờ *đơn)* và **gh** (gờ *kép)* đều ghi âm **gờ.** Bảng này cho các em biết khi nào âm **gờ** viết là *gờ đơn* (g); khi nào âm **gờ** viết là *gờ kép* (gh).  - GV chỉ sơ đồ 1: Khi đứng trước các chữ **e, ê, i,** âm **gờ** viết là **gh** kép.  - GV chỉ sơ đ*ồ* 2: Khi đứng trước các chữ khác **(a, o, ô, ơ,...),** âm **gờ** viết là **g** đơn.  **\* Hoạt động 3: Tập đọc** (BT 4)  - GV chỉ hình, giới thiệu: Bài đọc có Hà, ba Hà, bà Hà và bé Lê (em trai Hà). Mồi người trong nhà Hà ngồi một loại ghế khác nhau.  - GV đọc mẫu; kết hợp chỉ từng hình giới thiệu các loại ghế: *ghế gỗ* (của Hà), *ghế da* (của ba Hà), *ghế đá (ở* bờ hồ).  **Tiết 2**  a) Luyện đọc từ ngữ: **ghế gỗ, ghế da, ghế đá, bờ hồ.**  b) Luyện đọc câu  - Gv giới thiệu bài có 4 tranh và 4 câu bên tranh.  - Đọc từng câu: GV chỉ chậm từng tiếng trong câu 1.  - Cho Hs đọc nối tiếp câu  - Cho Hs luyện đọc theo nhóm đôi  c) Thi đọc đoạn, bài.  - GV tổ chức cho HS thi đọc    d) Tìm hiểu bài đọc  - Y/c HS đọc thầm bài và hỏi:  - Hà có ghế gì?  - Ba Hà có ghế gì?  - Bờ hồ có ghế gì?  - Bà bế bé Lê ngồi ghế nào?  **\* Hoạt động 4: Tập viết** (bảng con)  - Cả lớp đọc trên bảng các chữ, tiếng, chữ số: **gh, ghế gỗ; 6, 7.**  - GV vừa viết chữ mẫu trên bảng lớp vừa hướng dẫn  + Chữ **gh:** là chữ ghép từ hai chữ cái **g** và **h.** Viết chữ **g** trước (1 nét cong kín, 1 nét khuyết ngược), chữ **h** sau (1 nét khuyết xuôi, 1 nét móc hai đầu).  + Tiếng **ghế:** viết **gh** trước, **ê** sau, dấu sắc đặt trên **ê,** chú ý nối nét giữa **gh** và **ê.**  - Tiếng **gỗ:** viết chữ **g** trước, chữ **ô** sau, dấu ngã đặt trên **ô.**  + Số **6:** cao 4 li. Là kết hợp của 2 nét cơ bản: cong trái và cong kín.  + Số 7: cao 4 li. Gồm 3 nét: nét 1 thẳng ngang, nét 2 thẳng xiên, nét 3 thẳng ngang (ngắn) cắt giữa nét thẳng xiên.  - Yêu cầu HS viết bc  - GV cùng Hs nhận xét  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  **-** GV nhắc HS ghi nhớ quy tắc chính tả g / gh.  - GV nhận xét tiết học | - 2 hs đọc bài Bể cá.  - HS theo dõi lắng nghe.  - Hs đọc lại đề bài  **- HS** (cá nhân, cả lớp): **gờ.**  - Hs trả lời Ghế gỗ.  - Hs trả lời Tiếng **ghế**  - HS đọc (lớp, cá nhân, tổ)  - HS phân tích  + Tiếng **ghế** có âm **gờ** đứng trước, âm **ê** đứng sau, dấu sắc đặt trên **ê.** Âm **gờ** viết bằng chữ **gờ kép.**  **-** Một số HS nhắc lại.  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) nhìn mô hình, đánh vần và đọc tiếng: **gờ - ê - ghê - sắc - ghế / ghế; // gờ - ô - gô - ngã - gỗ / gỗ.**  **-** HS gắn lên bảng cài chữ **gh** mới học.  - HS đọc: *gà gô, ghi, gõ,...*  - HS làm bài trong VBT.  - Báo cáo kết quả:  + HS 1 nói các tiếng có g (gờ đơn): *gà gô, gõ, gỗ, gỡ cá.*  + HS 2 nói các tiếng có gh (gờ kép): *ghi, ghẹ.*  - HS (cá nhân, cả lớp): gờ - e - ghe - nặng - ghẹ / gờ - ê - ghê - sắc - ghế / gờ - i - ghi.  - HS (cá nhân, cả lớp): gờ - **a**- ga - huyền - gà / gờ - **o** - go - ngã - gõ / gờ - **ô -** gô ngã - gỗ / gờ - **ơ** - gơ - ngã - gỡ,...  - Cả lớp nhìn sơ đồ, nhắc lại quy tắc trên: **gh + e, ê, i / g + a, o, ô, ơ,...**  - HS theo dõi, lắng nghe  - HS đọc từ (cá nhân, tổ, lớp)  - Cả lớp đọc thầm  - 1 HS đọc, cả lớp đọc. / Tiếp tục với câu 2, 3, 4.  - HS (cá nhân, từng cặp) luyện đọc tiếp nối từng câu.  - Từng cặp HS nhìn SGK, cùng luyện đọc.    - Các cặp, tổ thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mỗi cặp, tổ đọc lời dưới 2 tranh).  - Các cặp, tố thi đọc cả bài.  - 1 HS đọc cả bài.  - Cả lớp đọc đồng thanh.  \* Cả lớp đọc nội dung 2 tranh của bài  - Hà có ghế gỗ  - Ba Hà có ghế da  - Bờ hồ có ghế đá  - Bà bế bé Lê ngồi ở ghế đá  - HS Cả lớp đọc trên bảng các chữ, tiếng, chữ số: **gh, ghế gỗ; 6, 7.**  - HS viết bc: **gh** (2 - 3 lần). Sau đó viết: **ghế gỗ** (2 lần); **6, 7** (2 lần).  - HS nhắc lại quy tắc | **\* Dạy HS khuyết tật:** **- Nhận biết âm và chữ gh; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có gh**  **HS viết**  **gh, ghế gỗ; 6, 7** |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy**: Không có điều chỉnh..................................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**……………………………………………………**

**Thứ Ba ngày 26 tháng 9 năm 2023**

**Tiếng việt: gi - k (2 tiết)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

- Nhận biết âm và chữ cái gi, k; đánh vần, đọc đúng tiếng có mô hình âm đầu gi / k + âm chính.

- Nhìn chữ, tìm đúng tiếng có âm gi (gi), âm k (cờ).

- Nắm được quy tắc chính tả: k + e, ê, i / c + a, 0, ô, ơ,...

- Đọc đúng bài Tập đọc *Bé kể.*

- Biết viết các chữ gi, k và các tiếng giá (đỗ), kì (đà) (trên bảng con).

**II. Đồ dùng dạy học**

- SGK, Bộ chữ tiếng việt, VBT

**III. Các hoạt động dạy học**

**Tiết 1**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **T.G** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | | **HĐBT** |
|  | **Tiết 1**  **1. Hoạt động khởi động**  **\* Ôn luyện**  - GV kiểm tra 2 HS đọc bài *Ghế* cả lớp viết bảng con: ghế gỗ.  - GV nhận xét  **2. Hoạt động cơ bản**  **\* Hoạt động 1: Giới thiệu bài**  - GV chỉ tên bài (chữ gi), nói: gi (phát âm giống di).  - GV chỉ tên bài (chữ k), nói: k (ca). GV giải thích: Đây là âm cờ, được viết bằng chữ ca. Để khỏi lẫn với âm cờ viết bằng chữ c (cờ), ta đánh vần theo tên chữ cái là ca.  - GV giới thiệu chữ K in hoa.  **\* Hoạt động 2: chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)  **a) Âm gi, chữ gi**  - GV đưa lên bảng lớp hình ảnh và từ giá đỗ, hỏi : Đây là gì?  - GV: Giá đỗ là một loại rau làm từ hạt đỗ nảy mầm.  - GV: Trong từ giá đỗ, tiếng nào có âm gi?  - GV chỉ từ giá.  **b) Âm k, chữ k:**  - GV giới thiệu hình ảnh kì đà (một loài thằn lằn cỡ to, sống ở nước, da có vảy, ăn cá); viết: kì đà.  **3. Hoạt động luyện tập**  **\* Hoạt động 1: Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có chữ gi? Tiếng nào có chữ k?) (như những bài trước)  - GV chỉ từng từ, cả lớp đọc: kể, giẻ, kẻ,...  - GV chỉ từng từ (in đậm), cả lớp: Tiếng kể có k. Tiếng giẻ có gi...  **\* Hoạt động 2: Quy tắc chính tả** (BT 3: Ghi nhớ)  - GV giới thiệu quy tắc chính tả c / k: Cả 2 chữ c (cờ) và k *(ca)* đều ghi âm cờ. Bảng này cho các em biết khi nào âm cờ viết là c; khi nào âm cờ viết là k.  - GV chỉ sơ đồ 1: Khi đứng trước e, ê, i, âm cờ viết là k.  - GV chỉ sơ đồ 2: Khi đứng trước các chữ khác (a, o, ô, ơ,...), âm cờ viết là c. HS (cá nhân, cả lớp): cờ - a - ca - sắc - cá / cờ - o - co - hỏi - cỏ / cờ - ô - cô / cờ - ơ – cơ - huyền - cờ...  **\* Hoạt động 3: Tập đọc** (BT 4)  - GV chỉ hình ảnh mâm cỗ trong bữa giỗ; hỏi: Mâm cỗ có những món ăn gì? (Mâm cỗ có giò, xôi, gà, giá đỗ, nem, canh, món xào). GV: Các em cùng đọc bài xem bé Lê kể gì về mâm cỗ.  - GV đọc mẫu.  **Tiết 2**  **a) Luyện đọc từ ngữ** (đánh vần, đọc trơn): bi bô, bé kể, giã giò, giá đỗ.  **b) Luyện đọc câu**  - GV: Bài có 6 câu (GV đánh số TT từng câu trên bảng).  - GV chỉ từng câu.  - Chỉ liền 2 câu *(Đó là bé kể: Dì Kế giã giò.),* liền 2 câu *(Bé bi bô: “Dì... giò... ”).*  **c)Thi đọc đoạn, bài** (theo cặp, tổ). Cuối cùng, 1 HS đọc cả bài, cả lớp đọc đồng thanh. (Chia bài làm 2 đoạn đọc: 3 câu / 3 câu).  **\* Hoạt động 4: Tập viết** (bảng con - BT 5) gi, k, giá đỗ, kì đà.  - GV vừa viết từng chữ, tiếng vừa hướng dẫn:  - Chữ gi: là chữ ghép từ hai chữ g và i. Viết g trước, i sau.  - Chữ k: cao 5 li; gồm 1 nét khuyết xuôi, 1 nét cong trên, 1 nét thắt và 1 nét móc ngược.  - Tiếng giá (đỗ): viết gi trước, a sau, dấu sắc đặt trên a.  - Tiếng kì (đà): viết k trước, i sau, dấu huyền đặt trên i.  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - Gọi hs đọc lại bài đã học.Về nhà luyện viết chữ: gi, k  - GV nhận xét tiết học | - HS viết bảng con  - HS (cá nhân, cả lớp): gi.  - HS: ca  - HS quan sát  - Giá đỗ  - (Tiếng giá).  - HS nhận biết: gi, a, dấu sắc; đọc: giá. Cả lớp: giá.  - Phân tích tiếng giá. / HS (cá nhân, tổ, cả lớp): gi - a - gia - sắc - giá / giá đỗ.  - HS nhận biết: Tiếng kì có âm k (ca).  - Phân tích tiếng kì: có âm k (ca), âm i và dấu huyền đứng trên i. / Đánh vần, đọc trơn: ca - i - ki - huyền - kì / kì đà.  - HS trao đổi nhóm đôi: tìm tiếng có gi, có k; làm bài trong VBT; báo cáo.  - HS nói thêm tiếng có gi (gian, giàn, giao, giáo,...); có k (kì, kê, kém, kiên,...).  - HS (cá nhân, cả lớp):ca - e - ke  - hỏi - kẻ / ca - ê - kê - hỏi - kể / ca - i - ki -huyền - kì.  - HS (cá nhân, cả lớp) nhìn sơ đồ, nói lại quy tắc chính tả: k + e, ê, i / c + a, o, ô, ơ,. ..  - HS cả lớp đọc thầm, rồi đọc thành tiếng (1 HS, cả lớp)  - Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2-3 câu ngắn) (cá nhân, từng cặp).  - HS thi đọc (cặp, cá nhân)  - 1 HS đọc cả bài  - Cả lớp đồng thanh bài  \* Cả lớp nhìn SGK, đọc lại 2 trang bài 17.  - HS đọc: gi, k, giá đỗ, kì đà.  - HS theo dõi, quan sát  - HS viết: gi, k (2 lần). Sau đó viết: giá (đỗ), kì (đà). |  | |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy**: Không có điều chỉnh..........................................................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thứ Ba ngày 26 tháng 9 năm 2023**

**Tập viết:** **gh, gi, k**

**I. Yêu cầu cần đạt**

- Tô, viết đúng các chữ **gh, gi, k, ghế gỗ, giá đỗ, kì đà -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

- Tô, viết đúng các chữ số **6, 7.**

**II. Đồ dùng dạy học**

**-** Các chữ mẫu *gh, gỉ, k* đặt trong khung chữ.

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **T.G** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động khởi động**  **\* Ôn luyện**  - Gọi 2 HS lên bảng viết **g, h, i, ia**  - GV nhận xét  **2. Hoạt động cơ bản**  **\* Giới thiệu bài**  **3. Hoạt động luyện tập:**  **\* Hoạt động 1: HS đọc trên bảng các chữ, tiếng**: *gh, ghế gỗ, gi, giá đỗ, k, kì đà.*  **\* Hoạt động 2: Tập tô, tập viết**: *gh, ghế gỗ*  - Gọi 1 HS nhìn bảng, đọc: *gh, ghế gỗ*  - GV vừa viết mẫu lần lượt từng chữ, tiếng, vừa hướng dẫn:  + Chữ *gh:* là chữ ghép từ 2 chữ *g, h.* Viết chữ *g* trước, chữ *h* sau.  + Tiếng *ghế:* viết *gh* (gờ *kép)* trước, *ê* sau, dấu sắc đặt trên *ê.*  + Tiếng *gỗ:* viết *g* trước, *ô* sau, dấu ngã đặt trên *ô.*  - HS tô, viết các chữ, tiếng *gh, ghế gỗ* trong vở *Luyện viết 1,* tập một.  **\* Hoạt động 3: Tập tô, tập viết:** *gi, k, giá đỗ, kì đà*  - GV vừa viết mẫu từng chữ, tiếng, vừa hướng dẫn:  + Chữ *gi',* ghép từ 2 chữ *g* và *i.* Viết *g* trước, *i* sau (1 nét hất, 1 nét móc ngược, 1 nét chấm).  + Tiếng *giá:* viết *gi* trước, *a* sau, dấu sắc ở trên *a.* / Tiếng *đỗ:* viết *đ* trước, *ô* sau, dấu ngã ở trên *ô.*  + Chữ *k:* cao 5 li, rộng 2,5 li. Gồm 1 nét khuyết xuôi, 1 nét cong trên, 1 nét thắt và 1 nét móc ngược. Cách viết: Đặt bút trên ĐK 2, viết nét khuyết xuôi (đầu khuyết chạm ĐK 6), dừng bút ở ĐK 1. Từ điểm dừng, rê bút lên gần ĐK 2 viết tiếp nét cong trên rộng 0,5 li, chỗ cong của nét chạm ĐK 3. Từ điểm kết thúc của nét cong trên ở ĐK 2, viết tiếp nét thắt và nét móc ngược, dừng bút ở ĐK 2.  + Tiếng *kì:* viết *k* trước, *i* sau, dấu huyền ở trên *i.* / Tiếng *đà:* viết *đ* trước, *a* sau, dấu huyền trên *a.*  **\* Hoạt động 4: Tập tô, tập viết chữ số:** 6, 7  - GV vừa viết mẫu từng chữ số vừa hướng dẫn:  + Số *6:* cao 4 li. Là kết hợp của 2 nét cơ bản: cong trái và cong kín. Cách viết: Đặt bút trên ĐK 4, viết nét cong trái (từ phải sang trái), đến ĐK 2 thì viết tiếp nét cong kín. Khi chạm vào nét cong thì dừng.  + Số 7: cao 4 li; gồm 3 nét: thẳng ngang, thẳng xiên, thẳng ngang (ngắn) cắt giữa nét thẳng xiên. Cách viết: Nét 1: Đặt bút trên ĐK 5 viết nét thẳng ngang (trùng ĐK 5) bằng một nửa chiều cao. Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, chuyển hướng bút viết nét thẳng xiên (từ trên xuống dưới, từ phải sang trái) đến ĐK 1. Nét 3: Từ điểm dừng của nét 2, lia bút lên khoảng giữa, viết nét thẳng ngang ngắn trên ĐK 3 (cắt ngang nét 2).  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  **-** Tuyên dương những học sinh đã viết xong, khuyến khích những hs chưa hoàn thành.  - GV nhận xét tiết học | - 2 Hs lên viết  - Lắng nghe  - HS đọc  - HS đọc  - HS lắng nghe  - HS tô, viết  - HS đọc *gi, k, giá đỗ, kì đà*  - HS lắng nghe, theo dõi  - HS tô, viết các chữ, tiếng: *gi, giá đỗ, k, kì đà.*  - HS tô, viết các chữ số: *6, 7* trong vở *Luyện viết 1,* tập một hoàn thành phần *Luyện tập thêm.* |  | |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy**: Không có điều chỉnh..........................................................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**========================**

**Thứ Tư ngày 27 tháng 9 năm 2023**

**Toán: LỚN HƠN, DẤU >. BÉ HƠN, DẤU <. BẰNG NHAU, DẤU =.**

**(Tiết 2)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết so sánh số lượng; biết sử dụng các từ *(lớn hơn, bé hơn, bằng nhau)* và  
các dấu (>, <, =) để so sánh các số.

- Thực hành sử dụng các dấu (>, <, =) để so sánh các số trong phạm vi 5.

- Phát triển các NL toán học: NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.

**\* Dạy HS khuyết tật:** **- Thực hành sử dụng các dấu (>, <, =) để so sánh các số trong phạm vi 5.**

**II. Đồ dùng dạy học**

- Các thẻ số và các thẻ dấu.

**III.Các hoạt động dạy học**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **T.G** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động khởi động.**  - Y/c HS chia sẻ một tình huống có lớn hơn, bé hơn hoặc bằng nhau  - Gv nhận xét  2. Hoạt động thực hành, luyện tập (tt)  Bài 2  - Cho HS quan sát hình vẽ thứ nhất, lập tương ứng mỗi chiếc xẻng với một chiếc xô. Nhận xét: “Mỗi chiếc xẻng tương ứng với một chiếc xô, thừa ra một chiếc xô. Vậy số xẻng *ít hơn* số xô”. Ta có: “2 *bé hơn* 3”, viết 2 < 3.  - Khuyến khích HS diễn đạt bằng ngôn ngữ của các em sử dụng các từ ngữ: *nhiều hơn, ít hơn, lớn hơn, bé hơn, bằng nhau.*  Bài 3  a) HS tập viết các dấu (>, <, =) vào bảng con.  b) Cho HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu (>, <, =) và viết kết quả vào vở.  **3. Hoạt động vận dụng**  Bài 4  - Cho HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì?  - Yêu cầu tìm ví dụ xung quanh lớp học, trong gia đình về so sánh số lượng  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì?  - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý? Kí hiệu toán học nào em cần nắm chắc? - Để không nhầm lẫn khi sử dụng các kí hiệu đó em nhắn bạn điều gì? | - HS chia sẻ  - Lắng nghe  - HS quan sát  - HS thực hiện tương tự với các hình vẽ tiếp theo rồi viết kết quả vào vở:  3 > 2; 2 = 2.  - Đổi vở cùng kiểm tra và chia sẻ với bạn cách làm.  - HS thực hiện viết dấu vào bc  - HS làm bài  - Đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm.  - Hs quan sát  - HS chọn đồ vật có ghi số lớn hơn, rồi chia sẻ với bạn cách làm.  - HS tìm rồi chia sẻ với các bạn. | **Dạy HS khuyết tật:** **- Thực hành sử dụng các dấu (>, <, =) để so sánh các số trong phạm vi 5.** | |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy**: Không có điều chỉnh..........................................................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thứ Tư ngày 27 tháng 9 năm 2023**

**Tiếng việt kh – m (2 tiết)**

**I Yêu cầu cần đạt**

- Nhận biết âm và chữ cái **kh, m;** đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **kh, m.**

- Nhìn chữ, tìm đúng tiếng có âm **kh,** âm **m.**

- Đọc đúng bài Tập đọc **Đo bẻ.**

- Biết viết trên bảng con các chữ và tiếng: **kh, m, khế, me.**

**II. Đồ dùng dạy học**

- SGK, Bộ chữ tiếng việt, VBT

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **T.G** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **Tiết 1**  **1. Khởi động**  **\* Ôn luyện**  - Gọi 1 HS nhắc lại quy tắc chính tả k/c  - 2 HS đọc bài Tập đọc *Bé kể* (bài 17).  - Gv nhận xét  **2. Hoạt động cơ bản**  **\* Hoạt động 1: Giới thiệu bài:**  **-** GV chỉ tên bài: **kh, m,** giới thiệu bài: âm và chữ **kh, m.**  - GV giới thiệu chữ M in hoa.  **\* Hoạt động 2: Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)  **a) Dạy âm kh và chữ kh**  - GV chỉ hình quả khế (hoặc vật thật), hỏi: Đây là quả gì?  - GV: Khế có loại ngọt, có loại chua, thường được dùng để làm mứt hoặc nấu canh.  - GV viết bảng **khế.**  **-** HS phân tích tiếng **khế:** âm **khờ,** âm **ê,** dấu sắc = **khế. /** Đánh vần và đọc trơn: **khờ - ê - khê - sắc - khế / khế.**  **b) Dạy âm m và chữ m:**  Làm tương tự với âm **m** và tiếng **me** (loại quả thường được dùng để nấu canh hoặc làm mứt). / Đánh vần và đọc trơn: **mờ - e - me / me.**  \* Củng cố: HS: Các em vừa học 2 chữ mới là **kh, m;** 2 tiếng mới là **khế, me.** **Luyện tập**  **3. Hoạt động luyện tập**  **\* Hoạt động 1: Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có âm **kh?** Tiếng nào có âm **m?)**  - GV chỉ từng tiếng, cả lớp: Tiếng **mẹ** có âm **m,** tiếng **khe** có âm **kh,...**  - Yêu cầu HS làm bài và báo cáo kết quả  - Y/c HS nói một số tiếng có âm **kh, m**  **\* Hoạt động 2: Tập đọc** (BT 3)  **a) GV chỉ hình minh hoạ bài đọc *Đố bé,* giới thiệu:** 3 bức tranh tả cảnh trong gia đình Bi: Bi vừa đi học về, mẹ ở trong bếp đang nấu ăn, ra 1 câu hỏi đố Bi. Bố đang bế em bé cũng ra 1 câu hỏi đố Bi. Các em hãy nghe bài đọc để biết bố mẹ đố Bi điều gì; Bi trả lời các câu đố thế nào.  **b) GV chỉ từng hình, đọc mẫu.**  **Tiết 2**  **c) Luyện đọc từ ngữ:** đố Bi, mẹ có gì, cá kho khế, có bé Li.  **d) Luyện đọc từng lời dưới tranh**  - GV: Bài có 3 tranh và lời dưới 3 tranh (GV chỉ cho HS đếm, đánh số TT từng câu).  - GV chỉ từng câu (chỉ liền 2 câu *Bi đó à? Dạ.)*  - Đọc từng lời dưới tranh.  **đ) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn** (mỗi đoạn là lời dưới 2 tranh); thi đọc cả bài.  - Đọc theo lời nhân vật  - GV chỉ lời của mẹ Bi, Bi, bố Bi.  - GV mời 3 HS giỏi đọc theo vai. GV khen HS nào đọc to, rõ, đúng lời nhân vật, kịp lượt lời.  **e) Tìm hiểu bài đọc**  - Qua bài đọc, em hiểu điều gì? (Gia đình Bi sống rất vui vẻ, hạnh phúc. / Mọi người trong gia đình Bi rất vui tính. Quan hệ giữa bố mẹ và Bi rất thân ái).  **\* Hoạt động 3:** **Tập viết** (bảng con - BT 4)  - GV vừa viết mẫu từng chữ vừa hướng dẫn  + Chữ **kh:** là chữ ghép từ hai chữ **k** và **h** (đều cao 5 li). Viết **k** trước, **h** sau.  + Chữ m: cao 2 li; gồm 2 nét móc xuôi liền nhau và 1 nét móc 2 đầu.  + Tiếng **khế:** viết **kh** trước, **ê** sau; dấu sắc trên **ê,** không chạm dấu mũ.  + Tiếng **me:** viết **m** trước, **e** sau; chú ý nối nét giữa **m** và **e.**  - GV cùng HS nhận xét  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - Về nhà học bài và xem trước bài: n, nh  - GV nhận xét tiết học | - 1 HS nhắc lại quy tắc chính tả:  k (ca) + e, ê, i / c (cờ) + a, o, ô, ơ,...  - 2 HS đọc bài  - HS (cá nhân, cả lớp): **khờ.**  - Quả khế.  - HS đọc  - HS phân tích, đánh vần, đọc trơn  - HS gắn lên bảng cài chữ: **kh, khế.**  - HS đọc từng chữ dưới hình: *mẹ, mỏ, khe đá,...*  - Từng cặp HS trao đổi, làm bài;  - 2 HS báo cáo kết quả:  + HS 1 nói tiếng có âm **kh** *(khe, kho, khỉ).*  **+** HS 2 nói tiếng có âm **m** *(mẹ, mỏ, mè).*  - HS nói tiếng ngoài bài có **kh** (khi, kho, khó, khô,...); có **m** (má, mỏi, môi,...).  - Cho cả lớp đọc thầm, rồi đọc thành tiếng (1 HS, cả lớp).  - Đọc nối tiếp câu  - Đọc (cá nhân, từng cặp).  - 1 HS đọc cả bài, cả lớp đọc đồng thanh cả bài.  - Cả lớp đọc lại 2 trang sách vừa học ở bài 18.  - Cả lớp nhìn bảng đọc các chữ, tiếng vừa học.  HS quan sát.  - HS viết: **kh, m** (2 lần). Sau đó viết: **khế, me.** |  |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy**: Không có điều chỉnh...................................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ Tư ngày 27 tháng 9 năm 2023**

**TNXH**: **AN TOÀN KHI Ở NHÀ (tiết 1)**

**I. Mục tiêu**  
**\* Về nhận thức khoa học:**

- Xác định được một số nguyên nhân có thể dẫn đến bị thương khi ở nhà.

- Chỉ ra được tên đồ dùng trong nhà nếu sử dụng không cẩn thận, không đúng cách có thể làm bản thân hoặc người khác gặp nguy hiểm.

- Nêu được những lưu ý khi sử dụng một số đồ dùng trong nhà để đảm bảo an toàn

**\* Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

- Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về nguyên nhân có thể dẫn đến bị thương khi ở nhà .

- Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về nguyên nhân , cách xử lý trong một số tình huống có thể dẫn đến bị thương khi ở nhà.

**\* Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**

- Lựa chọn được cách xử lý tình huống khi bản thân hoặc người nhà có nguy cơ bị thương hoặc đã bị thương do sử dụng một số đồ dùng không cẩn thận.

**II. Đồ dùng dạy học**

- Các hình trong SGK .

- VBT Tự nhiên và Xã hội 1,

- Bộ tranh ảnh đồ dùng trong nhà (3 hoặc 6 bộ).

- Phiếu tìm hiểu đồ dùng trong nhà.

**III. Các hoạt động dạy học**

**TIẾT 1**

**Một số nguyên nhân có thể dẫn đến bị thương khi ở nhà**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **T.G** | **HOẠT ĐỘNG DẠY** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** | **HĐBT** | |
|  | **\* Hoạt động 1: Khởi động**  - Ổn định: GV cho HS hát bài hát  **\* Hoạt động 2: Giới thiệu bài**  + Yêu cầu HS nói tên một số đồ dùng trong gia đình khi sử dụng không cẩn thận, không đúng cách có thể gây nguy hiểm.  + Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Một số đồ dùng trong gia đình các em đã liệt kê khi sử dụng không cẩn thận, không đúng cách có thể gây: đứt tay, chân; bỏng và điện giật. Bài học hôm nay chúng mình sẽ cùng tìm hiểu thêm về điều đó để đảm bảo an toàn khi ở nhà.  **\* Hoạt động 3: Khám phá kiến thức mới.**  **- Tìm hiểu nguyên nhân có thể dẫn đến bị thương khi ở nhà**  \* Cách tiến hành  *Bước 1 : Làm việc theo nhóm 4*  - HS quan sát các hình ở trang 20 – 22/ SGK để trả lời các câu hỏi :  + Mọi người trong mỗi hình đang làm gì ?  + Việc làm nào có thể gây đứt tay, chân; bỏng, điện giật ?  + Nếu là bạn Hà , bạn An , em sẽ nói gì và làm gì ?  Bước 2. Làm việc cả lớp  - GV cho từng nhóm báo cáo kết quả làm việc của mình.  - GV cùng HS nhận xét  \* GV kết luận hoàn thiện các câu trả lời.  **\* Hoạt động 4: Luyện tập và vận dụng**  **- Xử lý tình huống khi bản thân và người khác bị thương.**  - *Bước 1 : Làm việc theo cặp*  - HS làm cầu 2 của Bài 3 ( VBT ).  - Một HS đặt câu hỏi, HS kia trả lời  - GV hướng dẫn HS đặt được câu hỏi, gợi ý như sau:  + Bạn hoặc người thân trong gia đình đã từng bị thương (đứt tay, chân; bỏng, điện giật) chưa?  + Theo bạn, tại sao lại xảy ra như vậy ?  - Y/C các thành viên nói cho nhau nghe  *Bước 2: Làm việc theo nhóm 6*  - GV yêu cầu Thảo luận cả nhóm để đưa ra cách xử lý khi em hoặc người nhà bị thương (đứt tay, chân; bóng, điện giật)  - GV theo dõi giúp đỡ học sinh.  *Bước 3: Làm việc cả lớp*  - GV cho HS lên trình bày kết quả làm việc ở bước 1, 2.  - GV cùng HS nhận xét, hoàn thiện cách xử lí của từng nhóm  - GV chốt: “Nếu bạn hoặc người khác bị thương, hãy báo ngay cho người lớn hoặc gọi điện thoại tới số 115 khi thật cần thiết ” .  **\* Hoạt động nối tiếp.**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  -Về nhà lựa chọn được cách xử lý tình huống khi bản thân hoặc người nhà có nguy cơ bị thương hoặc đã bị thương do sử dụng một số đồ dùng không cẩn thận . | - Hát  - HS nói  - Lắng nghe  - HS quan sát và trả lời câu hỏi  - Đại diện một số cặp lên trình bày kết quả trước lớp.  - HS nhận xét nhóm bạn  - Theo dõi hướng dẫn.  + HS thay nhau hỏi và trả lời  + HS thay nhau hỏi và trả lời.  -HS thảo luận theo nhóm  - 1 số HS lên trình bày trước lớp: | |  |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy**: Không có điều chỉnh...................................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thứ Tư ngày 27 tháng 9 năm 2023**

**TNXH: AN TOÀN KHI Ở NHÀ (tiết 2)**

**I. Mục tiêu**  
**\* Về nhận thức khoa học:**

- Xác định được một số nguyên nhân có thể dẫn đến bị thương khi ở nhà .

- Chỉ ra được tên đồ dùng trong nhà nếu sử dụng không cẩn thận, không đúng cách có thể làm bản thân hoặc người khác gặp nguy hiểm.

- Nêu được những lưu ý khi sử dụng một số đồ dùng trong nhà để đảm bảo an toàn

**\* Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

- Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về nguyên nhân có thể dẫn đến bị thương khi ở nhà .

- Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về nguyên nhân, cách xử lý trong một số tình huống có thể dẫn đến bị thương khi ở nhà.

**\* Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**

- Lựa chọn được cách xử lý tình huống khi bản thân hoặc người nhà có nguy cơ bị thương hoặc đã bị thương do sử dụng một số đồ dùng không cẩn thận.

**\* Dạy HS khuyết tật:**  **- Chỉ ra được tên đồ dùng trong nhà nếu sử dụng không cẩn thận, không đúng cách có thể làm bản thân hoặc người khác gặp nguy hiểm**

**II. Đồ dùng dạy học**

- Các hình trong SGK .

- VBT Tự nhiên và Xã hội 1,

- Bộ tranh ảnh đồ dùng trong nhà (3 hoặc 6 bộ).

- Phiếu tìm hiểu đồ dùng trong nhà .

**III. Các hoạt động dạy học**

**TIẾT 2**

**Những lưu ý khi sử dụng một số đồ dùng trong nhà để đảm bảo an toàn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **T.G** | **HOẠT ĐỘNG DẠY** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** | **HĐBT** |
|  | **\* Hoạt động 1: Khởi động**  - GV cho HS hát  **\* Hoạt động 2:Giới thiệu bài**  **\* Hoạt động 3: Khám phá kiến thức mới**  **- Xác định cách sử dụng an toàn một số đồ dùng trong nhà**  *Bước 1: Làm việc theo cặp*  - HS quan sát các hình ở trang 23/SGK để trả lời:  + Chỉ vào hình thể hiện cách sử dụng an toàn một số đồ dùng trong nhà.  + Giải thích tại sao em lại chọn như vậy.  *Bước 2: àm việc cả lớp*  - GV cho đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả làm việc  - GV cùng HS theo dõi, bổ sung  **\* Hoạt động 4: Luyện tập và vận dụng**  **1.Thảo luận nhóm về những lưu ý khi sử dụng một số độ trong nhà để đảm bảo an toàn**  *Bước 1 : Làm việc theo nhóm (chia lớp thành 3 hoặc 6 nhóm )*  - Nhóm 1, 2: Quan sát bộ tranh đồ dùng trong nhà  + Chọn 2-3 đồ dùng trong nhà có thể gây đứt tay và giải thích trong trường hợp nào khi sử dụng chúng có thể bị đứt tay  + Nêu một số lưu ý khi sử dụng những đồ dùng đó để đảm bảo an toàn.  - Nhóm 3, 4: Quan sát bộ tranh đồ dùng trong nhà.  +Chọn 2-3 đồ dùng trong nhà có thể gây bỏng và giải thích trong trường hợp nào khi sử dụng chúng có thể bị bỏng.  + Nêu một số lưu ý khi sử dụng những đồ dùng đó để đảm bảo an toàn .  - Nhóm 5, 6: Quan sát bộ tranh đồ dùng trong nhà.  + Tìm 2 -3 đồ dùng trong nhà có thể gây điện giật và giải thích trong trường hợp nào khi sử dụng chúng có thể bị điện giật.  + Nêu một số lưu ý khi sử dụng những đồ dùng đó để đảm bảo an toàn.  *Bước 2 : Làm việc cả lớp*  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp .  - GV bình luận và hoàn thiện các câu trả lời  - GV: Cẩn thận khi sử dụng đồ dùng sắc nhọn như dao, kéo, com - pa, ...; tay ướt không được cắm điện, ...  **2. Tìm các đồ dùng trong gia đình có thể dẫn đến bị thương , nguy hiểm**  **( đứt tay, chân; bỏng; điện giật )**  - GV phát cho HS phiếu tìm hiểu các đồ dùng trong gia đình mình.  - HD HS sẽ quan sát trong nhà mình và hoàn thành phiếu (có thể với sự giúp đỡ của người thân).  - HS sẽ báo cáo kết quả tìm tòi của mình trong nhóm vào buổi học sau .  **\* Hoạt động nối tiếp.**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  -Về nhà lựa chọn được cách xử lý tình huống khi bản thân hoặc người nhà có nguy cơ bị thương hoặc đã bị thương do sử dụng một số đồ dùng không cẩn thận . | - HS hát  - HS quan sát.  -HS thực hiện  - Lần lượt đại diện các nhóm trình bày  - HS nhận xét nhóm bạn  -HS làm việc theo nhóm  -HS trình bày kết quả làm việc  -HS tham gia đánh giá bạn  - Lần lượt HS lên giới thiệu trước lớp về các phòng và đồ dùng trong các phòng của gia đình mình.  - HS tham gia đánh giá bạn.  -HS hoàn thành phiếu BT  -HS báo cáo kết quả  - Lắng nghe | **\* Dạy HS khuyết tật:**  **- Chỉ ra được tên đồ dùng trong nhà nếu sử dụng không cẩn thận, không đúng cách có thể làm bản thân hoặc người khác gặp nguy hiểm** |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy**: Không có điều chỉnh...................................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thứ Tư ngày 27 tháng 9 năm 2023**

**Đạo đức: BÀI 2. GỌN GÀNG, NGĂN NẮP (Tiết 2)**

I. Mục tiêu:

- Học xong bài này, HS cần đạt được những yêu cầu sau:

- Nêu được một số biểu hiện của gọn gàng, ngăn nắp trong học tập và sinh hoạt.

- Biết ý nghĩa của gọn gàng, ngăn nắp trong học tập, sinh hoạt.

- Thực hiện được hành vi gọn gàng, ngăn nắp nơi ở, nơi học.

II. Chuẩn bị:

Giáo viên: Máy tính, ti vi, SGK điện tử

Học sinh: Sách giáo khoa, VBT

III. Các hoạt động dạy học.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Khởi động**  -GV cho HS chơi trò chơi: thi kể về hành vi thể hiện sự ngăn nắp, gọn gàng  - GV nhận xét  -GV giới thiệu bài học mới  Luyện tập  Hoạt động 2: Hướng dẫn dọn phòng  Mục tiêu:  - HS biết cách sắp xếp đồ dùng gọn gàng, ngăn nắp.  - HS được phát triển năng lực hợp tác với bạn.  Cách tiến hành:  - GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc theo nhóm: Quan sát tranh và tìm cách sắp xếp đồ dùng cho gọn gàng, hợp lí.  - Các nhóm HS cùng nhau thảo luận và sắp xếp lại căn phòng.  - Một số nhóm trình bày cách sắp xếp căn phòng. Các nhóm khác nhận xét kết quả sắp xếp căn phòng.  - GV mời HS chia sẻ cảm xúc sau khi sắp xếp căn phòng gọn gàng, ngăn nắp.  Hoạt động 3: Tự liên hệ  \*Cách tiến hành:  - GV giao nhiệm vụ cho HS chia sẻ trong nhóm đôi theo gợi ý sau:  + Bạn đã làm được những việc gì để nơi ở gọn gàng, ngăn nắp?  + Bạn đã làm được những việc gì để nơi học gọn gàng, ngăn nắp?  + Bạn cảm thấy như thế nào khi sắp xếp nơi ở, nơi học gọn gàng, ngăn nắp?  - HS làm việc theo nhóm đôi. Một sổ nhóm HS chia sẻ trước lớp.  - GV khen những HS đã luôn gọn gàng, ngăn nắp trong học tập, sinh hoạt và nhắc nhở cả lớp cùng thực hiện.  C. Vận dụng  \*Vận dụng trong giờ học: Thực hành sắp xếp đồ dùng học tập trên bàn học, trong cặp sách.  \*Vận dụng sau giờ học:  - HS thực hiện tự gấp, cất chăn, chiếu, gối vào đúng chỗ sau giờ ngủ trưa.  - Thực hành sắp xếp đồ dùng học tập trên bàn học ở nhà  D. Tổng kết bài học  - HS trả lời câu hỏi: Em rút ra được điều gì sau bài học này?  - GV kết luận: Em cần gọn gàng, ngăn nắp ở chỗ học, chỗ chơi.  - GV đánh giá sự tham gia học tập của HS trong giờ học | - Lớp chia làm 2 đội chơi và tham gia chơi  - HS lắng nghe  HS thực hiện theo yêu cầu của GV  HS thực hiện  HS thực hiện  HS trả lời câu hỏi  HS lắng nghe |  |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy**: Không có điều chỉnh...................................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thứ Tư ngày 27 tháng 9 năm 2023**

**Hoạt động trải nghiệm: AN TOÀN KHI VUI CHƠI**

**I. Mục tiêu:**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Nêu được những việc nên làm và không nên làm khi vui chơi.

- Thể hiện cảm xúc và cách ứng xử phù hợp trong một số tình huống, hoàn cảnh quen thuộc để đảm bảo an toàn cho bản thân và những người xung quanh khi tham gia vui chơi tự điều chỉnh hành vi và tự bảo vệ bản thân, thể hiện cách ứng xử phù hợp khi tham gia vui chơi an toàn.

**II. Chuẩn bị:**

- Một số vật dụng để HS tham gia trò chơi: 1 quả bóng nhựa để chơi chuyền bóng, 1 chiếc khăn để chơi trò Bịt mắt bắt dê: các bông hoa có dán ảnh hoặc ghi tên những trò chơi an toàn và không an toàn.

- Thẻ mặt cười, mặt mếu.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** | **HĐBT** |
|  | **\*Hoạt động 1**: Khởi động  - Ổn định:  **\*Hoạt động 2:** Giới thiệu bài:  - Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu và làm quen với quang cảnh và các hoạt động của một ngày An toàn khi vui chơi.  **\*Hoạt động 3:** Các hoạt động chủ yếu.  **1. Cùng vui chơi.**  \* Cách tiến hành:  - GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm từ 4 đến 6 HS.  - GV cho mỗi nhóm HS tự chọn một trò chơi để cùng nhau tham gia.  - GV cho các nhóm chơi trò chơi mình đã chọn:  Bước 1. Thảo luận cặp đôi:  - GV cho HS tạo thành các cặp đôi.  - Cho các cặp HS chia sẻ theo các câu hỏi gợi ý:  Bước 2. Làm việc cả lớp:  - GV cho 2 đến 3 cặp HS lên chia sẻ trước lớp.  - GV nhận xét chung và đặt câu hỏi:  + Ngoài những trò chơi vừa được tham gia, các em còn tham gia các trò chơi nào khác?  + Những trò chơi nào chúng ta nên chơi ở trường? Vì sao?  \*Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập và vận dụng.  2.Quan sát tranh và chọn  hoặc .  \* Cách tiến hành.  - Cho HS quan sát các hình từ 1 đến 4 trong SGK trang 13 và thảo luận  cặp đôi:  + Các bạn trong mỗi tranh đang tham gia trò chơi gì?  + Chúng ta nên làm gì và không nên làm gì để đảm bảo an toàn khi vui chơi?  - GV mời một số cặp HS lên trước lớp, chỉ tranh và bày tỏ thái độ của mình với việc làm của các bạn trong tranh.  - GV cùng HS nhận xét  3: Thực hành cam kết “Vui chơi an toàn”  \* Cách tiến hành:  Bước 1. Cá nhân chọn bông hoa vui chơi an toàn:  - GV cho HS quan sát và lựa chọn những bông hoa vui chơi an toàn mà bản thân sẽ thực hiện sau bài học.  Bước 2. Cả lớp cùng làm bảng “Cam kết vui chơi an toàn”.  - GV giới thiệu bảng “Cam kết vui chơi an toàn được làm bằng tờ giấy Ao.  Bước 3. Trưng bày và giới thiệu về bảng “Cam kết vui chơi an toàn”.  - GV mời HS lên thuyết trình về bông hoa vui chơi an toàn của mình.  **\* Hoạt động nối tiếp:**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà chia sẻ với **người** thân về cảnh quan và cảm nhận của mình về Vui chơi an toàn. | - Hát  - Lắng nghe  - HS chia mỗi nhóm từ 4 đến 6 HS.  - Mỗi nhóm HS tự chọn một trò chơi để cùng nhau tham gia  - HS chơi trò chơi theo nhóm.  - HS tạo thành các cặp đôi theo bàn.  - HS 1 nêu câu hỏi, HS2 trả lời câu hỏi của bạn. Sau đó đổi vai.  + HS trả lời  + HS trả lời theo cảm nhận của bản thân.  - Lắng nghe  - Từng HS dán những bông hoa đã chọn về những việo sẽ làm để vui chơi an toàn lên bảng cam kết.  - Làm việc cả lớp  - Một số HS lên thuyết trình về bông hoa vui chơi an toàn của mình  - Cho HS lên dán những bông hoa đã chọn. |  |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy**: Không có điều chỉnh...................................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thứ Năm ngày 28 tháng 9 năm 2023**

Toán: LUYỆN TẬP

**I. Yêu cầu cần đạt**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết sử dụng các dấu (>, <, =) để so sánh các số trong phạm vi 10.

- Phát triển các NL toán học: NL mô hình hoá toán học, NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.

**II. Đồ dùng dạy học**

- 2 bộ thẻ số từ 1 đến 5, 1 thẻ số 8 và 2 bộ thẻ các dấu (>, <, =).

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **T.G** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động khởi động.**  **\* Ôn luyện**  - Gọi 3 HS lên điền dấu >, <, =  8 … 5, 4 … 6, 4 … 4  - GV nhận xét  **2. Hoạt động cơ bản**  **\* Giới thiệu bài**  - Chơi trò chơi “Ghép thẻ” theo nhóm. Mỗi nhóm dùng 2 bộ thẻ các số từ 1 đến 5 và 2 bộ thẻ các dấu (>, <, =) để ghép thành các mệnh đề đúng. Chẳng hạn: 1 < 5; 4 = 4;  3 > 2; ...  - Qua trò chơi rút ra nhận xét: Để so sánh đúng hai số cần lưu ý điều gì?  3. Hoạt động thực hành, luyện tập  Bài 1  - Cho HS quan sát hình vẽ thứ nhất, so sánh số lượng khối lập phương bên trái với bên phải bằng cách lập tương ứng một khối lập phương bên trái với một khối lập phương bên phải. Nhận xét: “5 khối lập phương nhiều hơn 3 khối lập phương”, ta có: “5 lớn hơn 3”, viết 5 > 3.  Bài 2  - Cho HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu (>, <, =) và viết kết quả vào vở.  **Bài 3.**  - HS lấy các thẻ số 4, 8, 5. Đố bạn chọn ra thẻ ghi số lớn nhất, số bé nhất rồi sắp xếp các thẻ số trên theo thứ tự từ bé đến lớn, từ lớn đến bé.  - Có thể thay bằng các thẻ số khác hoặc lấy ra 3 thẻ số bất kì (trong các số từ 0 đến 10) và thực hiện tương tự như trên.  4. Hoạt động vận dụng  Bài 4  - Cho HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì?  - GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn về so sánh liên quan đến tình huống bức tranh.  **5. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Để có thể so sánh chính xác hai số, em nhắn bạn điều gì? | - 3HS lên điền  - Các nhóm kiểm tra chéo kết quả của nhau, nhóm nào lập được nhiều mệnh đề đúng và nhanh nhất sẽ thắng cuộc.  - HS rút ra nhận xét qua trò chơi  - HS quan sát  - HS thực hành so sánh số lượng khối lập phương ở các hình vẽ tiếp theo và viết kết quả vào vở: 4 < 6; 7 = 7.  - Đối vở cùng kiểm tra và chia sẻ với bạn cách làm.  - HS thực hiện  - Đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm.  - HS sắp xếp  - HS nhận xét  - HS đếm và chỉ ra bạn có ít viên bi nhất, bạn có nhiều viên bi nhất. |  |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy**: Không có điều chỉnh..........................................................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thứ Năm ngày 28 tháng 9 năm 2023**

**Tiếng việt: n - nh (2 tiết)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

- Nhận biết các âm và chữ **n, nh;** đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **n, nh.**

- Nhìn chữ dưới hình, tìm đúng tiếng có âm **n,** âm **nh.**

- Đọc đúng bài Tập đọc *Nhà cô Nhã.*

- Biết viết trên bảng con các chữ và tiếng: **n, nh, nơ, nho;** chữ số **8, 9.**

**\* Dạy HS khuyết tật:**

**II.** **Đồ dùng dạy học**

- SGK, Bộ chữ tiếng việt, VBT

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **T.G** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **Tiết 1**  **1. Hoạt động khởi động.**  **\* Ôn luyện**  - GV gọi 2 HS đọc bài Đố bé  - GV nhận xét  **2. Hoạt động cơ bản**  **\* Hoạt động 1:** **Giới thiệu bài**  - Âm và chữ **n, nh.**  - GV chỉ chữ **n,** nói: **nờ.**  - GV chỉ chữ **nh,** nói: **nhờ**  - GV giới thiệu chữ N in hoa.  **\* Hoạt động 2: Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)  **a)** Dạy âm **n** và chữ **n:** GV chỉ hình cái nơ: Đây là gì?  - GV viết **n, ơ = nơ.**  **-** Phân tích tiếng **nơ.**  **-** Đánh vần: **nờ - ơ - nơ / nơ.**  - Cho HS tìm và gắn bảng cài n, nơ  **b)** Dạy âm **nh** và chữ **nh:** Làm tương tự với tiếng **nho.** Đánh vần: **nhờ - o - nho / nho.**  \* GV chỉ các âm, từ khoá vừa học, cả lớp: **nờ - ơ - nơ / nơ; nhờ - o - nho / nho.**  **3. Hoạt động luyện tập**  **\* Hoạt động 1: Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có âm **n?** Tiếng nào có âm **nh?)**  - (Như những bài trước).  - GV giải nghĩa từ: *nhị* (loại đàn dân tộc có 2 dây). *Nỏ:* một loại vũ khí cổ dùng để bắn tên.  **\* Hoạt động 2: Tập đọc** (BT 3)  a) GV chỉ hình, giới thiệu nhà cô Nhã: Ngôi nhà nhỏ, xinh xắn nằm bên một cái hồ nhỏ.  - Các em cùng đọc để biết nhà cô Nhã có gì đặc biệt.  b) GV đọc mẫu; giải nghĩa từ: *cá mè* (cá nước ngọt, cùng họ với cá chép, thân dẹt, vảy nhỏ, đầu to); *ba ba* (loài rùa sống ở nước ngọt, có mai, không vảy).  **Tiết 2**  c) Luyện đọc từ ngữ: **cô Nhã, bờ hồ, nhà nho nhỏ, cá mè, ba ba, nho, khế.**  d) Luyện đọc câu  - GV: Bài đọc có mấy câu?  - GV chỉ chậm từng câu.  - Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).  e)Thi đọc đoạn, bài. (Chia bài làm 2 đoạn: mồi đoạn 2 câu).  g) Tìm hiểu bài đọc  - GV nêu YC; chỉ từng ý a, b (2 câu chưa hoàn chỉnh) cho cả lớp đọc.  - HS nhìn hình minh hoạ, nói tiếp để hoàn thành câu.  - GV: Nhà cô Nhã rất đặc biệt. Ngôi nhà nhỏ nằm bên một cái hồ nhỏ. Hồ nhỏ mà có cá mè, ba ba. Nhà nhỏ mà có na, nho, khế.  **\* Hoạt động 3: Tập viết** (BT 4)  a) Cả lớp nhìn bảng đọc các chữ, tiếng, chữ số vừa học.  b) GV vừa viết chữ mẫu trên bảng lớp vừa hướng dẫn  - Chữ n: cao 2 li; gồm 1 nét móc xuôi, 1 nét móc 2 đầu.  - Chữ **nh:** là chữ ghép từ hai chữ **n, h.** Viết **n** trước, **h** sau.  - Tiếng **nơ:** viết **n** trước, **ơ** sau; chú ý nối nét **n** và **ơ.**  - Tiếng **nho:** viết **nh** trước, **o** sau; chú ý nối nét **nh** và **o.**  - Số 8: cao 4 li. Gồm 4 nét viết liền: cong trái - cong phải - cong trái - cong phải.  - Số 9: cao 4 li. Gồm 2 nét: cong kín và cong phải.  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - Về nhà cố gắng học bài.  - GV nhận xét tiết học | - Ổn định - hát  - 2 HS đọc bài *Đố bé* (bài 18).  - HS: **nờ.**  **-** HS: **nhờ.**  - Cái nơ  - HS đọc  - HS gắn lên bảng cài: **n, nơ**  - HS đọc chữ dưới hình  - HS nói tiếng có âm **n,** âm **nh. /** Cả lớp đồng thanh: Tiếng **na** có âm **n,** tiếng **nhà** có âm **nh,...**  - HS nói 3-4 tiếng ngoài bài có âm **n** (nam, năm, no, nói,...); có âm **nh** (nhẹ, nhè, nhỏ, nhắn,...).  - HS đếm: 4 câu.  - Cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng  - HS thi đọc (cá nhân, tổ)  - 1 HS đọc cả bài, cả lớp đọc đồng thanh.  - HS đọc  - HS 1 nhìn hình nói tiếp câu a *(Hồ có* **cá mè, ba ba).**  **-** HS 2 nhìn hình hoàn thành câu b *(Nhà có* **na, nho, khế).**  - Cả lớp nhìn hình, đọc lại 2 câu văn.  \* Cả lớp đọc lại 2 trang của bài 19; đọc 7 chữ vừa học trong tuần, cuối trang 38.  - Hs đọc: n, nh, nho nhỏ, nơ  - Hs theo dõi, quan sát  - HS viết: **n, nh** (2 lần). / Viết: **nơ, nho. /** Viết: **8, 9.**  - Hs đọc lại bài vừa học |  |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy**: Không có điều chỉnh..........................................................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thứ Năm ngày 28 tháng 9 năm 2023**

**Kể chuyện: ĐÔI BẠN****I. Yêu cầu cần đạt**

- Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.

- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi dưới tranh.

- Nhìn tranh, có thể tự kể từng đoạn của câu chuyện.

- Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Cuộc sống sẽ rất tốt đẹp nếu mọi người quan tâm đến nhau.

**II. Đồ dùng dạy học**

**-** Tranh minh hoạ truyện kể trong SGK

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **T.G** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động khởi động.**  **\* Ôn luyện**  - GV đưa lên bảng tranh minh hoạ truyện *Hai chú gà con,* mời HS 1 kể chuyện theo tranh 1, 2, 3; HS 2 nói lời khuyên của câu chuyện  - GV nhận xét  **2. Hoạt động cơ bản** **(Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện** (gợi ý))  **\* Hoạt động 1: Quan sát và phỏng đoán:** GV mời HS xem tranh minh hoạ, nói tên các nhân vật trong truyện: sóc đỏ (sóc lông màu đỏ), sóc nâu (sóc lông màu nâu). Sau trận mưa to, sóc nâu đi hái quả tặng bạn. về nhà lại thấy trước cửa có giỏ quả sóc đỏ tặng. Hai bạn gặp lại nhau, ôm nhau thắm thiết.  **\* Hoạt động 2: Giới thiệu chuyện:** Các em sẽ nghe câu chuyện *Đôi bạn.* Chuyện kể về sóc nâu và sóc đỏ. Hai bạn rất yêu quý nhau, luôn “chia ngọt sẻ bùi” cho nhau.  **3. Hoạt động khám phá và luyện tập**  **\* Hoạt động 1: Nghe kể chuyện:** GV kể chuyện với giọng diễn cảm:  + Đoạn 1, 2: giọng kể chậm rãi, nhấn giọng những từ ngữ tả màu sắc của lông sóc, của ánh mặt ười sau mưa.  + Đoạn 3,4,5: kể chậm (ý nghĩ của sóc nâu, lời 2 chú sóc viết ưong thư).  + Đoạn 6: vui vẻ.  - GV kể 3 lần: Lần 1 (kể không chỉ tranh). Lần 2 (vừa chỉ từng tranh vừa kể chậm). Kể lần 3 (như lần 2).  **\* Hoạt động 2: Trả lời câu hỏi theo tranh**  a) Mỗi HS trả lời câu hỏi dưới 1 tranh  - GV chỉ tranh 1, hỏi: *Trong rừng có hai bạn rất thân nhau. Đó là ai?*  - GV chỉ tranh 2: *Vào đêm nọ, thời tiết trong rừng thế nào?*  - GV chỉ tranh 3: *Sáng sớm thức dậy, sóc nâu nghĩ gì, làm gì?*  - GV chỉ tranh 4: *Sóc nâu làm gì khi nhặt được một giỏ quả thông?*  - GV chỉ tranh 5: *Sóc nâu thấy gì khỉ trở về nhà?*  - GV chỉ tranh 6: *Hai bạn gặp lại nhau thế nào?*  b) Mời HS trả lời các câu hỏi theo 2 tranh.  c) 1 HS trả lời tất cả các câu hỏi theo 6 tranh.  **\* Hoạt động 3: Kể chuyện theo tranh** (không dựa vào câu hỏi)  - Mỗi HS nhìn 2 tranh, tự kể chuyện.  - HS kể chuyện theo tranh bất kì (trò chơi *Ô cửa sổ* hoặc bốc thăm).  - 1 HS tự kể toàn bộ câu chuyện theo 6 tranh.  - Sau mỗi bước, cả lớp và GV bình chọn bạn trả lời câu hỏi đúng, bạn kể to, rõ, kể hay, biết hướng đến người nghe khi kể.  - GV cất tranh, 1 HS kể lại câu chuyện (không cần tranh) (YC cao).  **\* Hoạt động 4: Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện**  - GV: Câu chuyện muốn nói điều gì?  - GV: Câu chuyện kể về tình bạn của sóc nâu và sóc đỏ. Hai bạn rất yêu quý nhau, luôn chia sẻ, ngọt bùi” cho nhau nên các bạn sống rất vui. Cuộc sống sẽ rất tốt đẹp nếu mọi người luôn quan tâm đến nhau.  - Cả lớp bình chọn HS, nhóm HS kể chuyện hay, hiểu ý nghĩa câu chuyện.  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - GV biểu dương những HS kể chuyện hay. - Dặn HS về nhà kể cho người thân nghe câu chuyện về hai chú sóc luôn nghĩ đến nhau, chia sẻ “ngọt bùi” cho nhau.  - Nhắc HS xem tranh, chuẩn bị cho tiết KC *Kiến và bồ câu* | - Ổn định - hát  - Hs kể theo tranh.  - Hs quan sát và nêu tên các nhân vật.  - Cả lớp lắng nghe.  - Cả lớp lắng nghe  - Hai bạn rất thân nhau đó là sóc nâu và sóc đỏ.  -Vào đêm nọ, mưa rất to, quả thông rụng nhiều. Sáng ra trời tạnh, mặt trời toả sáng muôn nơi.  - Sáng sớm thức dậy, sóc nâu nghĩ: -Đêm qua mưa to, quả thông chắc rụng nhiều”. Nó liền cầm giỏ đi nhặt quả thông. Nó nhặt được đầy một giỏ quả thông.  - Sóc nâu đến nhà sóc đỏ, để lại một nửa số quả thông và một mẩu giấy ghi lời nhắn: “Quả thông rất tươi ngon. Bạn một nửa, mình một nửa”.  - Sóc nâu thấy trước cửa một lẵng quả thông và một mẩu giấy của sóc đỏ viết: “Quả thông rất tươi ngon. Bạn một nửa, mình một nửa”.  **-** Hai bạn sóc vui vẻ ôm nhau, lăn tròn giống như một cuộn len lớn.  - HS kể theo tranh  - 1 HS nhìn tranh kể toàn bộ câu chuyện  - 1 HS không nhìn tranh kể toàn bộ câu chuyện  - Hai bạn sóc rất yêu quý nhau, luôn chia sẻ những gì có được cho nhaú. / Hai bạn sóc luôn vì nhau, làm việc tốt cho nhau.  - HS bình chọn |  |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy**: Không có điều chỉnh..........................................................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thứ Sáu ngày 29 tháng 9 năm 2023**

**Tập viết:** **kh, m, n, nh**

**I. Yêu cầu cần đạt**

- Tô, viết đúng các chữ **kh, m, n, nh,** các tiếng **khế, me, nơ, nho -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

- Tô, viết đúng các chữ số **8, 9.**

**\* Dạy HS khuyết tật:** - Tô, viết đúng các chữ **kh, m, n, nh,** các tiếng **khế, me, nơ, nho**

**II. Đồ dùng dạy học**

**-** Các chữ mẫu *kh, m, n, nh* đặt trong khung chữ.

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **T.G** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** | |
|  | **1. Hoạt động khởi động.**  **\* Ôn luyện**  - Gọi 2 HS viết **gh, gi, k**  - GV nhận xét  **\* Giới thiệu bài**  **-** HS tập tô, tập viết các chữ, tiếng vừa học ở bài 18, 19.  **2. Hoạt động luyện tập**  **\* Hoạt động 1: Tập tô, tập viết chữ, tiếng:  *kh, khế, m, me***  - GV vừa viết mẫu từng chữ, tiếng, vừa hướng dẫn  + Chữ *kh:* viết *k* trước, *h* sau.  + Tiếng *khế:* chú ý dấu sắc đặt trên đầu chữ ê; nối nét giữa *kh* và *ê.*  + Chữ *m* cao 2 li; gồm 2 nét móc xuôi liền nhau và 1 nét móc 2 đầu. Cách viết: Đặt bút giữa ĐK 2 và ĐK 3, viết nét móc xuôi (chạm ĐK 3), dừng bút ở ĐK 1. Từ điểm dừng của nét 1, rê bút lên gần ĐK 2, viết nét móc xuôi thứ hai có độ rộng hơn nét 1, dừng bút ở ĐK 1. Từ điểm dừng của nét 2, rê bút lên gần ĐK 2 để viết tiếp nét móc hai đầu (độ rộng bằng nét 2), dừng bút ở ĐK 2.  + Tiếng *me:* viết *m* trước, *e* sau; chú ý nối nét giữa *m* và *e.*  **\* Hoạt động 2: Tập tô, tập viết chữ, tiếng: *n, nơ, nh, nho***  - GV viết mẫu, hướng dẫn:  + Chữ *n:* cao 2 li; gồm 1 nét móc xuôi, 1 nét móc 2 đầu. Chú ý: Nét 1 của chữ *n* viết như giống nét 1 của chữ *m,* nét 2 của chữ *n* viết như nét 3 của chữ *m.*  + Tiếng *nơ:* chú ý nối nét *n* và *ơ.*  + Chữ *nh:* viết *n* trước, *h* sau.  + Tiếng *nho:* chú ý nối nét *nh* và *o.*  **\* Hoạt động 3: Tập tô, tập viết chữ số *8, 9.***  - Số *8:* cao 4 li; gồm 4 nét nối liền nhau (cong trái - cong phải - cong trái - cong phải). Cách viết: Đặt bút dưới ĐK 5 một chút, viết nét cong trái, đến gần ĐK 3 thì chuyển hướng viết nét cong phải. Đến ĐK 1 lại lượn lên viết nét cong trái rồi cong phải cho đến khi chạm vào điểm xuất phát tạo thành 2 vòng khép kín tiếp giáp nhau (trên nhỏ, dưới to).  - Số *9:* cao 4 li; gồm 2 nét: cong kín, cong phải. Cách viết: Nét 1: Đặt bút dưới ĐK 5 một chút, viết nét cong kín (từ phải sang trái); khi chạm vào điểm xuất phát thì dừng. Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, rê bút trở xuống viết nét cong phải, đến ĐK 2 thì dừng.  **3. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - Tuyên dương những học sinh đã hoàn thành bài viết, những e chưa xong về nhà cố gắng hoàn thành.  - GV nhận xét tiết học | - Ổn định - hát  - 2HS viết  - HS nhìn bảng, đọc các chữ, tiếng: *kh, khế, m, me, n, nơ, nh, nho.*    - 1 HS đọc các chữ, tiếng.  - Hs theo dõi, quan sát  - HS tô, viết: *kh, khế, m, me* trong *Vở Luyện viết 1,* tập một.    - HS đọc chữ, tiếng: *n, nơ, nh, nho*  - Hs theo dõi,quan sát  - HS tô, viết: *n, nơ, nh, nho* trong *Vở Luyện viết 1,* tập một.  - Hs theo dõi,quan sát  - HS tô, viết các chữ *số: 8, 9* trong vở *Luyện viết 1,* tập một; hoàn thành phần *Luyện tập thêm.* | | **\* Dạy HS khuyết tật:** - Tô, viết đúng các chữ **kh, m, n, nh,** các tiếng **khế, me, nơ, nho** |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy**: Không có điều chỉnh..............................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thứ Sáu ngày 29 tháng 9 năm 2023**

**Tiếng việt: ÔN TẬP**

**I. Yêu cầu cần đạt**

- Biết ghép các âm đã học thành tiếng theo đúng quy tắc chính tả: **c, g + a, o, ô, ơ,... / k + e, ê, i, ia / gh + e, ê, i.**

- Đọc đúng bài Tập đọc *Bi ở nhà.*

**II. Đồ dùng dạy học**

- Bảng ghép âm để HS làm BT 1.

- 3 thẻ từ, mỗi thẻ viết 1 câu ở BT 3 để HS làm BT điền chữ trước lớp.

*- Vở bài tập Tiếng Việt 1,* tập một.

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **T.G** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động khởi động.**  **2. Hoạt động cơ bản**  **\* Giới thiệu bài**  **-** GV nêu MĐ, YC của bài học  **3. Hoạt động luyện tập**  **\* Hoạt động 1: Ghép các âm đã học thành tiếng** ( BT1) (Làm việc cả lớp - Lướt nhanh)  - GV đưa lên bảng lớp mô hình ghép âm; nêu YC.  - GV chỉ từng chữ (âm đầu) ở cột dọc,  - GV chỉ từng chữ (âm chính) ở cột ngang,  - GV chỉ chữ, cả lớp đồng thanh ghép (miệng) từng tiếng theo cột ngang:  **+ ca, co, cô, cơ** (không có *ce, cê, ci, cia),*  + (không có *ka, ko, kô, cơ)* **ke, kê, ki, kia,**  **+ ga, go, gô, gơ** (không có *ge, gê, gi, gia),*  + (không có *gha, gho, ghâ, ghơ, ghia)* **ghe, ghê, ghi.**  **\* Hoạt động 2: Tập đọc** (BT2)  - GV chỉ hình, giới thiệu bài đọc kể về việc Bi dỗ em bé giúp mẹ.  - GV đọc mẫu.  - GV: Bài có 7 câu.  - GV chỉ từng câu .  - Thi đọc đoạn, bài (theo cặp, tổ). (Chia bài làm 2 đoạn đọc: 2 câu / 5 câu).  - Cuối cùng, HS đọc cả bài và cả lớp đồng thanh cả bài.  **\* Hoạt động 3: Em chọn chữ nào?(BT 3)**  - GV đưa lên bảng 3 thẻ từ, nêu YC của BT.  - Y/c HS làm VBT  - Gọi 3 HS điền  - GV chốt đáp án: 1) Bé ***kể.*** 2 Cò mò ***cá.*** 3) Nhà có ***ghế gỗ.***  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - Tập đọc bài lại bài  - GV nhận xét tiết học | - Ổn định - hát  - Hs chú ý lắng nghe  - Cả lớp đọc: c, k, g, gh.  - Cả lớp đọc: a, o, ô, ơ, e, ê, i, ia.  - Hs lắng nghe  - Luyện đọc từ ngữ: **có giỗ, nhờ, dỗ bé, bé nhè, lơ mơ, nhè nhẹ, khó ghê cơ.**  - Luyện đọc câu  - Cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng (1 HS, cả lớp).  - Đọc tiếp nối từng câu (có thể đọc liền 2 câu ngắn) (cá nhân, từng cặp).  - Từng cặp đọc bài.  - 1 HS đọc cả bài, cả lớp đọc cả bài.  - 1 HS nhắc lại quy tắc chính tả **c / k, g / gh.**  - HS làm bài vào VBT - điền chữ để hoàn thành câu.  - 3 HS điền chữ vào 3 thẻ trên bảng lớp.  - Cả lớp đọc kết quả. / HS sửa bài theo đáp án (nếu làm sai). |  | |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy**: Không có điều chỉnh..........................................................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*